

GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRONG MÔN TIẾNG VIỆT Ở TIỂU HỌC

• PGS.TS. HOÀNG HOÀ BÌNH
Viện Khoa học giáo dục Việt Nam

Việc đưa giáo dục kĩ năng (KN) sống vào nhà trường trong thời điểm này có ý nghĩa như là một sự thức tỉnh để các nhà giáo dục chú ý nhiều hơn đến tính hữu dụng, thiết thực của chương trình nhà trường, đồng thời chuẩn bị cho chương trình tương lai, sao cho chương trình đáp ứng yêu cầu đào tạo con người mới năng động, tích cực, tự tin, đạt được thành công trong xã hội hội nhập, nhiều biến động.

Giáo dục KN sống trong các môn học sẽ đạt hiệu quả nếu chúng ta xác định đúng khái niệm KN sống cần rèn luyện cho HS; liệt kê được những KN đặc thù là ưu thế riêng của mỗi môn học; làm rõ những thành công, bất cập, những gì chưa cập nhật trong giáo dục KN sống của môn học. Không làm sáng tỏ những điều này, chỉ bổ sung cơ học nội dung giáo dục KN sống trong phạm vi những KN xã hội theo 5 nhóm KN được báo cáo viên của UNICEF giới thiệu (*), giáo dục KN sống sẽ chỉ là hoạt động ghép thêm vào cơ thể của những chương trình đã quá tải với quá nhiều hoạt động tích hợp, nên cùng với thời gian sẽ bị rơi vào quên lãng.

Bài viết này bày tỏ quan điểm của chúng tôi về:

- Nội dung giáo dục KN sống trong môn Tiếng Việt.
- Vận dụng phương pháp dạy học (PPDH) tích cực giúp rèn luyện KN sống cho học sinh.

I. Nội dung giáo dục kĩ năng sống trong môn Tiếng Việt

1. Khái niệm KN sống

KN sống là tất cả các KN được rèn luyện nhờ giáo dục nhà trường và nhờ học hỏi, trải nghiệm trong cuộc sống. KN sống gồm những loại sau:

- KN cơ bản là những KN con người cần có để tồn tại và thích ứng với cuộc sống, bắt đầu từ những KN đơn lẻ như phát âm, đọc thành tiếng, viết chữ,... đến những KN tổng hợp như thuyết trình, tranh luận, tổ chức cuộc họp,... KN tổng

hợp là bước phát triển cao của KN đơn lẻ, bởi vì nó là kết quả của sự phối hợp các KN đơn lẻ với những hiểu biết về tự nhiên, xã hội. Ví dụ: người diễn thuyết giỏi phải có KN ngôn ngữ, KN lập luận đồng thời với KN phân tích, tổng hợp vấn đề, sự am hiểu đối tượng người nghe,... KN sống ở mỗi người có thể đạt được những mức độ thuần thục khác nhau do yếu tố bẩm sinh, do giáo dục, trải nghiệm,... Người có khả năng diễn thuyết rất thuyết phục có thể rất kém về KN tự phục vụ; người giao tiếp bằng viết giỏi có thể diễn đạt nói không hấp dẫn,...

- KN đặc thù là những KN nghề nghiệp giúp con người làm tốt công việc chuyên môn, những KN chuyên biệt (như hát, múa, vẽ, chơi đàn, làm thơ, đá bóng, đánh ten-nit,...) giúp con người sống vui hơn, thú vị, có ý nghĩa hơn,...

2. Giáo dục KN sống

Môn Tiếng Việt là môn học quan trọng cùng các môn học khác trong nhà trường Tiểu học góp phần rèn luyện cho học sinh những KN sống được hiểu với nghĩa là những KN cơ bản ban đầu.

KN đặc thù, thể hiện ưu thế của môn Tiếng Việt là KN giao tiếp. Sau đó thì KN nhận thức, bao gồm nhận thức thế giới xung quanh, tự nhận thức, ra quyết định,... là những KN mà môn Tiếng Việt cũng có ưu thế vì đối tượng của môn học này - tiếng Việt - là công cụ của tư duy.

2.1. Về KN giao tiếp

Giao tiếp được hiểu là hoạt động trao đổi tư tưởng, tình cảm, cảm xúc,... nhằm thiết lập quan hệ, sự hiểu biết, cộng tác,... giữa các thành viên trong xã hội. Hoạt động giao tiếp gồm các hành vi giải mã (nhận thông tin) và kí mã (phát thông tin). Trong ngôn ngữ, mỗi hành vi này đều có thể được thực hiện bằng hai hình thức: khẩu ngữ (nghe, nói) và bút ngữ (đọc, viết).

Thông qua môn Tiếng Việt, các KN nghe, nói, đọc, viết của học sinh được hình thành và phát triển dần, từ những KN đơn lẻ đến những KN tổng hợp. Ở lớp 1, mục tiêu chủ yếu của

(*) Khung tài liệu tích hợp giáo dục KN sống vào các môn học ở trường phổ thông Việt Nam giới thiệu 5 nhóm KN: Tự nhận thức (Xác định giá trị bản thân, Tự tin, Tự trọng...) - Giao tiếp (Phản hồi; Ứng xử, Thể hiện sự cảm thông...) - Suy nghĩ sáng tạo (Nêu vấn đề, Bình luận...) - Ra quyết định (Giải quyết vấn đề, Ứng phó, Thương lượng...) - Làm chủ bản thân (Đặt mục tiêu, Kiểm soát cảm xúc...).

chương trình là hình thành và phát triển các KN đơn lẻ như đọc thành tiếng, viết chữ,... Đó là những KN sống mà môn Tiếng Việt có nhiệm vụ hình thành cho học sinh. Khi trẻ đã vượt qua giai đoạn đầu tiên, có khả năng nghe, nói, đọc, viết tương đối thành thạo thì những KN đó trở thành phương tiện để hình thành KN giao tiếp ở mức độ cao hơn. Từ lớp 2, các KN đơn lẻ tiếp tục được hoàn thiện, đồng thời nhiều KN tổng hợp, gắn với những yêu cầu giao tiếp thực tế hơn cũng bắt đầu được hình thành, như: thực hiện các nghi thức lời nói (chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi, chia vui, chia buồn, mời, nhờ, yêu cầu, đề nghị,...), các hoạt động giới thiệu (giới thiệu bản thân, tổ, lớp, địa phương,...), thuyết trình, tranh luận,...

Để học sinh có được những KN tổng hợp, sách giáo khoa (SGK) và thầy, cô giáo phải tạo ra được những tình huống giao tiếp gắn với cuộc sống để học sinh quan sát, rút ra được những kinh nghiệm cần thiết. Ví dụ, khi dạy trẻ viết thư, cần đưa mẫu để các em viết được bức thư có bố cục hợp lí. Nhưng điều quan trọng hơn là phải giúp các em trả lời được các câu hỏi: Thư em viết cho ai, vào thời gian nào, để làm gì? Có như vậy, bức thư mới có nội dung chân thực. Sau đó, còn phải dạy học sinh viết phong bì thư. Khi trẻ biết viết đúng trên phong bì thư địa chỉ của mình, địa chỉ lá thư cần gửi đến nghĩa là các em đã có một KN sống thực sự, một KN giao tiếp cộng đồng mà một số người lớn không có nên đã mắc lỗi của cậu bé Van-ca (nhân vật của M. Gorki viết lá thư "Gửi ông nhà quê"), chuyển ra nước ngoài những lá thư không bao giờ đến được tay người nhận.

Để hình thành và phát triển KN sống cho học sinh, chương trình Tiếng Việt Tiểu học đã phân giải các KN giao tiếp cần rèn luyện cho học sinh như sau:

- KN đọc bao gồm các KN đọc thông (đọc thành tiếng, đọc thầm, đọc lướt) và đọc - hiểu (hiểu nghĩa đen và nghĩa bóng của từ ngữ, câu, văn bản - văn bản có tính nghệ thuật, văn bản đời sống).
- KN viết bao gồm các KN viết chữ (viết chữ thường, viết chữ hoa, viết chính tả) và viết văn bản (dùng từ, đặt câu sử dụng dấu câu, tạo lập văn bản - văn bản có tính nghệ thuật, văn bản đời sống).
- KN nghe bao gồm các KN nghe - hiểu, nghe - ghi.
- KN nói bao gồm các KN sử dụng nghi thức lời nói, đặt và trả lời câu hỏi, thuật việc, kể chuyện,

trao đổi, thảo luận, phát biểu, thuyết trình,...

Các KN nói trên được hình thành và phát triển thông qua việc tổ chức hoạt động giao tiếp cho học sinh trong những môi trường giao tiếp có chọn lọc là các giờ Tập làm văn, Kể chuyện, Tập đọc, Luyện từ và câu, Chính tả, Tập viết.

Trong SGK Tiểu học, có nhiều bài học mà tự tên gọi của nó đã nói rõ mục tiêu giáo dục các KN giao tiếp xã hội, như: Viết tự thuật, Lập danh sách học sinh, Lập thời gian biểu, Viết thiệp chúc Tết, Viết nhắn tin, Viết bản tin, Viết quảng cáo, Viết thư, Điền vào giấy tờ in sẵn, Viết đơn, Làm báo cáo hoạt động, Làm báo cáo thống kê, Làm biên bản cuộc họp, Làm biên bản vụ việc, Lập chương trình hoạt động, Phát biểu và điều khiển cuộc họp, Thuyết trình và tranh luận, Giới thiệu hoạt động, Giới thiệu địa phương, Kể chuyện được chứng kiến hoặc tham gia,... Đó thường là các bài Tập làm văn hoặc Kể chuyện. Bên cạnh đó, nhiều bài Luyện từ và câu có nội dung rèn luyện các nghi thức lời nói, nhiều bài Tập đọc giới thiệu những văn bản mẫu chuẩn bị cho việc hình thành một số KN giao tiếp cộng đồng như mẫu đơn, thư, quảng cáo, báo cáo, biên bản,... hoặc cung cấp những câu chuyện mà qua đó học sinh có thể rút ra cách thức tổ chức cuộc họp, lập chương trình hoạt động tập thể,... Đó cũng là những giờ học có nội dung rèn KN sống. Một số bài Tập đọc rèn KN đọc - hiểu như Thời khóa biểu, Mục lục sách, Nội quy thư viện,... cũng rèn KN sống cho học sinh. Từ các KN cụ thể này, học sinh sẽ biết cách vận dụng để đọc các văn bản đời sống khác như Bảng giờ tàu, Thông báo tuyển sinh, Lịch sinh hoạt câu lạc bộ,...

2.2. Về KN nhận thức

KN nhận thức bao gồm một số KN bộ phận như KN tự nhận thức, nhận thức thế giới, ra quyết định,... (Suy nghĩ sáng tạo không phải một KN độc lập mà là phẩm chất cần có ở mỗi KN bộ phận đã nêu).

KN nhận thức được rèn luyện ở nhiều môn học. Môn Tiếng Việt góp phần hình thành và phát triển KN này thông qua một chương trình mang tính tích hợp. Dạy học tích hợp có thể được thực hiện theo chiều ngang và chiều dọc.

Tích hợp theo chiều ngang là tích hợp giữa kiến thức tiếng Việt với các mảng kiến thức về tự nhiên, xã hội và con người theo nguyên tắc đồng quy. Ở Tiểu học, hướng tích hợp này được thực hiện thông qua hệ thống chủ điểm học tập. Qua các chủ điểm học tập, SGK có điều kiện giúp

học sinh mở rộng, hệ thống hoá, tích cực hoá vốn từ một cách tự nhiên và có hiệu quả, đồng thời, đem đến cho học sinh những kiến thức bổ ích và lí thú về nhiều lĩnh vực của đời sống, mở cánh cửa cho các em bước vào thế giới xung quanh và soi vào thế giới tâm hồn của chính mình.

Tích hợp theo chiều dọc là tích hợp ở một đơn vị kiến thức và KN mới những kiến thức và KN đã học trước đó theo nguyên tắc đồng tâm (còn gọi là đồng trục hay vòng tròn xoay tròn ốc), cụ thể là: kiến thức và KN của lớp trên, cấp học trên bao hàm kiến thức và KN của lớp dưới, cấp học dưới, nhưng cao hơn và sâu hơn. Đây là giải pháp củng cố và nâng cao dần kiến thức, KN của học sinh, để các kiến thức và KN ấy thực sự là của mỗi người học, góp phần hình thành ở các em những phẩm chất mới của nhân cách.

Căn cứ vào đặc điểm tâm, sinh lí của học sinh, các chủ điểm được chọn dạy ở những lớp đầu cấp liên quan đến những con người, sự vật, hiện tượng gần gũi mà trẻ em có thể cảm nhận bằng giác quan của mình và được nâng dần độ sâu sắc theo thời gian.

Ví dụ, mở đầu lớp 2, SGK Tiếng Việt có chủ điểm *Em là học sinh* nói đến “cái tôi” của các em khi bước chân tới trường, trở thành học sinh với vai trò mới và những niềm vui mới. Những bài Tập đọc hấp dẫn trong chủ điểm này cùng các bài tập Luyện từ và câu như dạy chào hỏi, viết tự thuật, tự giới thiệu đơn giản về bản thân,... giúp các em có ý thức về mình, về cương vị mới, về bổn phận của học sinh với việc học và với những người xung quanh. Các bài đọc ở những lớp tiếp theo nói về tính trung thực, lòng tự trọng, về ý chí, nghị lực, lòng dũng cảm, tình yêu cuộc sống,... đem đến cho các em những rung cảm sâu sắc, bồi dưỡng ở các em những đức tính phù hợp với truyền thống của dân tộc và yêu cầu xây dựng con người Việt Nam trong thời đại mới.

Các bài học trong SGK Tiếng Việt tiểu học đều giúp học sinh tăng cường hiểu biết về thế giới xung quanh và tự nhận thức bản thân. Có thể lấy ví dụ về giờ dạy Tập đọc bài thơ “Sư tử xuất quân” (La Fontaine) ở lớp 2 để minh họa.

Giờ Tập đọc giúp học sinh rèn KN trọng tâm là đọc - hiểu (kết hợp rèn các KN nghe và nói). Khai thác tầng nghĩa đen của bài thơ, học sinh nắm được một số đặc điểm tiêu biểu của các con vật theo quan niệm dân gian (sư tử là chúa muôn loài, voi và gấu rất khoẻ, khỉ và cáo khôn ngoan, thỏ nhát nhưng chạy nhanh, lừa chậm hiểu

nhưng thật thà,...). Khai thác tầng nghĩa bóng, học sinh hiểu ý nghĩa sâu sắc của bài thơ, thông điệp nhân văn mà nhà thơ muốn gửi đến bạn đọc: “Ai cũng có ưu điểm, phải nhìn thấy ưu điểm trong mỗi người để nhìn người giao việc cho đúng”. Thông điệp trên sẽ gieo vào đầu óc đứa trẻ lớp 2 những suy nghĩ, hình thành bước đầu KN nhận thức và tự nhận thức nếu PPDH của giáo viên giúp các em thông qua hoạt động, ví dụ, qua trò chơi “nhìn người giao việc”, biết liên hệ từ cuộc sống của các nhân vật là con vật trong truyện đến cuộc sống của mình: cách nhìn người, giao việc của bạn lớp trưởng, tổ trưởng, của các bạn khác, của mình; xa hơn là của cha mẹ, thầy cô, những người xung quanh (khi trẻ học lên những lớp cao hơn). Thông điệp đó đi theo đứa trẻ suốt đời sẽ giúp nó cởi mở, thành công hơn trong giao tiếp xã hội khi nó sớm có một cách nhìn nhận duy vật, tích cực và lạc quan về con người.

KN ra quyết định thể hiện năng lực phân tích và ứng phó với các tình huống khác nhau của trẻ, được hình thành chủ yếu qua các bài Tập làm văn và một số bài rèn luyện nghi thức lời nói ở phân môn Luyện từ và câu. Ví dụ, môn Tiếng Việt ở lớp 2 rèn luyện KN này qua những bài tập đơn giản như: nói lời xin lỗi khi em lỡ bước, giẫm vào chân bạn, khi em đùa nghịch, va phải một cụ già; đóng vai chú công an nói lời an ủi, gọi cho em bé bị lạc đường tự nói về mình để chú công an đưa em về nhà; đáp lời người lạ tự giới thiệu là bạn của bố mẹ đến chơi trong tình huống bố mẹ ở nhà và bố mẹ đi vắng,... Trẻ lớp 5 cũng được học cách ứng phó qua bài tập tìm từ ngữ chỉ những việc làm, những cơ quan, tổ chức, những người giúp các em bảo vệ an toàn khi không có cha mẹ ở bên trong các tình huống: đi học, đi chơi, ở nhà một mình, cháy nhà, bị tai nạn hay bị đe dọa, hành hung,...

3. Nhận xét chung

3.1. Những kết quả

Sự phân giải KN giao tiếp và KN nhận thức trong môn Tiếng Việt cho thấy Chương trình Tiếng Việt mới rất giàu tiềm năng giáo dục KN sống. Nếu Chương trình cũ chỉ chú trọng rèn KN đọc - hiểu và tạo lập những ngôn bản mang tính nghệ thuật; coi nhẹ các KN đời sống và KN nghe, nói thì Chương trình mới đã chuẩn bị cho học sinh có KN ứng dụng những điều đã học vào cuộc sống tốt hơn; có nhiều hơn các kiểu bài tập luyện nghe, nói. Giáo dục học đường do đó gắn với thực tiễn nhiều hơn.

Chương trình Tiểu học mới với những ưu điểm về giáo dục KN sống của các môn học - theo đánh giá của giáo viên toàn quốc - đã tạo nên sự chuyển biến rõ rệt về chất lượng đào tạo. Trẻ em ngày nay tự tin, hồn nhiên, mạnh bạo hơn, có nhiều KN sống hơn: nhiều em biết tự điều khiển cuộc họp của tổ, của lớp; chứng chạc điều hành, phát biểu trong các buổi sinh hoạt toàn trường; mạnh dạn sắm vai người dẫn chương trình để đối thoại cùng các bạn; biết viết báo cáo; viết quảng cáo; lập bảng thống kê kết quả điểm của tổ, lớp; dựng hoạt cảnh,... Trên truyền hình, các em nói, diễn tự tin hơn trẻ em những thập kỉ trước.

3.2. Một số hạn chế

So sánh mặt bằng kiến thức, KN của Chương trình Tiếng Việt với chương trình của các nước phát triển như Pháp, Anh, Mỹ, có thể thấy Chương trình Tiếng Việt đặt yêu cầu thấp hơn. Ví dụ:

Chương trình Tiếng Pháp từ lớp 1, lớp 2 đã dành "mỗi tuần nửa giờ tranh luận (được ghi vào thời khoá biểu) để dạy học sinh tranh luận về cuộc sống của tập thể lớp"; dạy "diễn kịch", "viết văn bản tự sự và giải thích (theo hình thức hoạt động tập thể) với 3 dạng bài: viết thu hoạch về sự việc mình chứng kiến, viết văn bản văn học, văn bản tư liệu". Nội dung dạy tranh luận và viết các văn bản trên (nhất là văn bản về sự việc đã chứng kiến) nếu đặt ra với học sinh lớp 1, 2 ở Việt Nam sẽ gây phản ứng từ phía giáo viên, gây "sốc" với dư luận xã hội.

Chương trình Tiếng Anh từ lớp 1, lớp 2 đã chú trọng dạy học sinh "diễn kịch, thể hiện tình huống kịch và nhân vật bằng ngôn ngữ và hành động, bộc lộ cảm xúc, cá tính"; "tổ chức điều đình nói làm rõ chủ đề"; dạy "thảo luận nhóm, nói theo lượt lời, có lí lẽ, trình bày quan điểm cá nhân". Ở các lớp 3, 4, học sinh của Anh đã học "trình bày vấn đề trước những đối tượng người nghe khác nhau"; học diễn kịch "ứng khẩu và đóng vai, viết kịch và trình diễn, đối thoại để trình diễn"; học "đánh giá tác dụng của ẩn dụ trong tác phẩm văn học"....

Trẻ em Mỹ (qua phim truyền hình có thể thấy) ở tuổi mẫu giáo đã biết diễn kịch, đặt tay lên ngực nói lời tuyên thệ của công dân Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Học sinh 9, 10 tuổi đã tập diễn thuyết trong vai tổng thống Nixon hoặc đặt câu hỏi cho một vị tổng thống đương nhiệm trước dân chúng....

Mặc dù yêu cầu về rèn luyện KN (nhất là KN

nói) của Chương trình Tiếng Việt thấp hơn so với chương trình của các nước phát triển và được dạy với số tiết ít hơn nhưng khá nhiều giáo viên Việt Nam do chưa quen dạy những KN như thuyết trình, tranh luận; giới thiệu địa phương; đối thoại phù hợp với mục đích, đối tượng và hoàn cảnh giao tiếp; kể chuyện đã chứng kiến, tham gia,... và do bản thân giáo viên cũng yếu về những KN này nên họ thường cho các bài học rèn KN trên là khó. Đó cũng là nguyên nhân hạn chế chất lượng của việc rèn KN sống trong trường Tiểu học hiện nay.

Bên cạnh đó, giáo viên và học sinh Việt Nam khi giao tiếp vẫn mang nét tâm lí chung của người châu Á là rụt rè, thiếu mạnh bạo, thiếu cởi mở hơn trong so sánh với người châu Âu và trẻ em châu Âu. Đặc điểm tâm lí này cũng là nguyên nhân hạn chế kết quả đổi mới của Chương trình Tiếng Việt.

4. Định hướng giáo dục KN sống

Để xây dựng một chương trình Tiếng Việt tương lai có nội dung giáo dục KN sống cập nhật, thực tiễn và phù hợp với đặc thù bộ môn, các tác giả biên soạn Chương trình cần suy nghĩ nghiêm túc về việc đưa vào Chương trình những KN mới (như diễn thuyết, thương lượng, thương thuyết, ứng khẩu,...) sao cho phù hợp với đặc điểm tâm lí lứa tuổi của học sinh Việt Nam; tăng thời lượng để rèn kĩ và sâu hơn, chuyển xuống lớp dưới để dạy sớm hơn một số KN cần thiết của con người hiện đại mà trẻ em Việt Nam còn yếu.

Trong thời điểm hiện nay - khi SGK, sách giáo viên Tiếng Việt đang triển khai, thời lượng dạy học môn Tiếng Việt còn thiếu, việc "tích hợp" giáo dục KN sống (với môn học vốn phong phú nội dung giáo dục KN sống như Tiếng Việt) nên giới hạn ở một số bài, tập trung vào các bài rèn những KN sống mà giáo viên còn lúng túng khi dạy, học sinh còn yếu khi học - theo hướng tổ chức các hoạt động tương tác tích cực trong giờ học để khắc sâu kiến thức của bài học, hình thành những KN xã hội tương ứng hoặc tô đậm những KN vốn đã có trong quá trình tổ chức dạy học. Đó là vì các KN sống thường tồn tại không tách rời mà có liên hệ với nhau. Ví dụ, khi học sinh viết tự thuật nghĩa là các em đồng thời tự nhận thức mình, khi học sinh lập chương trình hoạt động cho một sinh hoạt tập thể nghĩa là các em đồng thời được rèn KN đặt mục tiêu; khi học sinh cùng bạn viết đoạn đối thoại để hoàn chỉnh một màn kịch, phân vai đọc hoặc diễn màn kịch

nghĩa là các em đã đồng thời được rèn cả KN đối thoại đúng mục đích, đúng đối tượng, hoàn cảnh giao tiếp và KN hợp tác.

Tránh đưa thêm nhiều mục tiêu rèn KN sống vào một bài học. Với bài Sư Tử xuất quân, bên cạnh mục tiêu rèn KN đọc thành tiếng, đọc - hiểu nội dung bài thơ được xác định rất có mức độ trong SGK (Khen ngợi Sư Tử biết nhìn người giao việc để ai cũng có ích, ai cũng được lập công), chỉ nên thêm mục tiêu rèn KN nhận thức, tự nhận thức (kèm gợi ý phương pháp): Tổ chức trò chơi "nhìn người giao việc" giúp học sinh thấm thía hơn bài học: Ai cũng có ưu điểm, phải nhận ra ưu điểm của mỗi người. Dù mục tiêu này giúp trẻ lớp 2 khắc sâu bài học nhận thức thì thêm một trò chơi vào giờ học (chỉ có 40 phút) vẫn là một thách đố, đòi hỏi GV phải sáng tạo trong tổ chức giờ học, tổ chức trò chơi, để vừa hình thành KN sống trong thời gian hữu hạn, vừa không coi nhẹ mục tiêu chính, tối thiểu của giờ học là rèn KN đọc cho những đứa trẻ mới qua không lâu giai đoạn đánh vần.

II. Vận dụng PPDH tích cực rèn KN sống cho học sinh

1. Khái niệm PPDH tích cực

Mặc dù Chương trình Tiếng Việt Tiểu học mới rất chú trọng rèn luyện KN sống cho học sinh nhưng nội dung các bài học rất khó chuyển thành KN ở mỗi học sinh nếu giáo viên không tổ chức các hoạt động học tập tích cực cho các em, bởi vì con người chỉ hình thành, phát triển được KN thông qua hoạt động; chỉ thực sự làm chủ được kiến thức khi chiếm lĩnh nó bằng hoạt động có ý thức của chính mình; những tư tưởng, tình cảm và nhân cách tốt đẹp cũng chỉ có thể được hình thành qua rèn luyện trong thực tế. Đó là lí do ra đời PPDH mới ở các trường tiểu học hiện nay. Bản chất của PPDH này là tích cực hoá hoạt động của người học mà cốt lõi là tổ chức hoạt động của học sinh sao cho mỗi học sinh đều được hoạt động, mỗi học sinh đều được bộc lộ mình và được phát triển.

Nắm được bản chất của PPDH mới, khi thiết kế giáo án, giáo viên cần sử dụng linh hoạt, đúng lúc đúng chỗ các PPDH truyền thống và hiện đại theo tinh thần phát huy tính tích cực, sáng tạo của học sinh, hạn chế thuyết giảng, làm thay học sinh, chú ý tạo ra những quan hệ tương tác tích cực giữa học sinh với nhau trong học tập và thực hành KN.

Ví dụ, với thông điệp mà học sinh lĩnh hội được từ bài thơ Sư Tử xuất quân: Ai cũng có ưu điểm, phải nhìn thấy ưu điểm trong mỗi người để nhìn người giao việc cho đúng, nếu giáo viên đưa thông điệp này đến với mỗi học sinh chỉ bằng lời thuyết giảng thì nó chưa thể chuyển thành KN nhận thức và tự nhận thức. Để bài học nhận thức được khắc sâu trong trí óc các em, trở thành KN sống, giáo viên cần tổ chức cho học sinh tiếp nhận thông điệp trên qua hoạt động, ví dụ, qua 1 trong 2 cách thực hiện trò chơi "nhìn người giao việc" như sau:

- Hoạt động tái tạo bài học: Chia lớp thành nhiều nhóm, mỗi nhóm 7 học sinh - một học sinh đóng vai Sư Tử, các em khác đóng vai Voi, Gấu, Cáo, Khỉ, Lừa, Thỏ. GV nêu tình huống (công đồn, thi chạy, thi kéo gỗ,...), học sinh đóng vai Sư Tử phân việc cho các bạn. Sau đó, cả nhóm đánh giá xem Sư Tử phân việc có hợp lí không.

- Hoạt động mở rộng bài học: Chia lớp thành nhiều nhóm, mỗi nhóm 5, 6 học sinh - một học sinh làm tổ trưởng, những em khác làm tổ viên. Giáo viên nêu tình huống (tổ chức liên hoan, thi biểu diễn văn nghệ, thi thể thao,...), học sinh đóng vai tổ trưởng căn cứ vào khả năng của từng bạn mà phân việc. Sau đó, cả nhóm đánh giá xem tổ trưởng phân việc có hợp lí không.

Bài học hình thành từ trò chơi sẽ đi theo trẻ suốt đời, giúp các em thành công hơn trong tổ chức công việc, trong cư xử với bạn bè hay với đối tác, với đồng nghiệp sau này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Chương trình môn Tiếng Việt - Chương trình GDPT cấp Tiểu học* (Ban hành kèm Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 5-5-2006 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, NXB Giáo dục, 2006.
2. *SGK, SGK Tiếng Việt 1*, Đặng Thị Lan chủ biên - NXB Giáo dục, 2002 - 2006.
3. *SGK, SGK Tiếng Việt 2, 3, 4, 5*, Nguyễn Minh Thuyết chủ biên - NXB Giáo dục, 2003 - 2006.

SUMMARY

The introduction of living skills into schools are very important at this time, helping school education to meet the demands for new dynamic, active humans with self-esteem, success in a changing world. This article addresses the integration of living skills into Vietnamese language subjects in primary schools as well as author's view on: contents of living skills in the Vietnamese language subjects, using active methods in helping students to drill the living skills.